TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS-PT
Ngày 31-10-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất; buộc tháo dỡ công trình trên đất; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Cao Đức Chiến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ công trình trên đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2019/QĐ-PT ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lành Văn H ; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Văn C - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lành Văn T; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Gia H; cư trú tại: Số nhà B, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2019; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn C, Luật sư văn phòng Luật sư C, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nôi; địa chỉ: Số S, phố T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Ông Trần Văn T, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2019; vắng mặt.

2. Bà Vy Thị V ; có mặt.

3. Anh Lành Văn D ; vắng mặt.

4. Chị Lành Thị G; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Lành Văn D , chị Lành Thị Gi: Ông Lành Văn H ; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2019; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lành Văn V; vắng mặt.

2. Ông Lành Văn D ; có mặt.

3. Bà Hoàng Thị M (Hoàng Thị M1); vắng mặt.

4. Ông Lành Văn V1; vắng mặt.

5. Ông Lành Văn B ; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Ông Lành Văn T (Lành Văn Y); cư trú tại: Thôn C , xã Y , huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

-*Người kháng cáo*: Ông Lành Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình được tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn ông Lành Văn H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, trình bày: Gia đình ông Lành Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ di dời công trình, vật kiến trúc trên đất giữa ông và ông Lành Văn T diện tích đất tranh chấp là 831m^2, gồm 03 thửa: Thửa đất số 47, diện tích 512m^2; thửa số 51, diện tích 202m^2; thửa

số 55, diện tích 117m^2; tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T ; địa danh: Khu N , Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất tranh chấp thuộc thửa số 47, năm 2018 ông Lành Văn T xây 01 nhà cấp 4, diện tích 27,06m^2 và chôn 04 cọc bê tông xuống. Nguồn gốc đất tranh chấp do ông cha để lại, được gia đình ông Lành Văn H khai phá, quản lý, canh tác để trồng lúa nước và sử dụng liên tục ổn định từ năm 1990 đến năm 2011 đã đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, năm 2014 ông Lành Văn H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ). Năm 2012, ông Lành Văn H đã cho Công ty V thuê đất, Công ty đã đổ đất san lấp làm đường đi qua cả 03 thửa đất 47, 51 và 55 để vào bãi trung chuyển hàng hóa của Công ty nhưng không san lấp hết xuống các thửa, chỉ san lấp đủ làm đường đi vào bãi xe, phần diện tích đất còn lại gia đình vẫn quản lý sử dụng. Đến tháng 5/2017 ông Lành Văn T đến tranh chấp đất với gia đình ông, UBND xã T , huyện L đã tiến hành hòa giải nhưng không thỏa thuận được, ông Lành Văn T cố tình dựng lều lán trên thửa đất 47, năm 2018 xây nhà cấp 4 bằng gạch ba banh diện tích 27,06m^2, tường không trát xi măng, lợp mái tôn. Khi xây dựng đào móng UBND xã T cùng với Công an Đồn C và Đại diện Biên Phòng C đến lập biên bản yêu cầu ông Lành Văn T tạm dừng thi công xây dựng công trình trên đất, vì đất đang có tranh chấp nhưng ông Lành Văn T không chấp hành, cố tình xây dựng nhà, hiện nhà xây lên bỏ không có ai ở. Do vậy, ông Lành Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết để gia đình ông tiếp tục được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và buộc ông Lành Văn T phải tháo dỡ, di dời ngôi nhà cấp 4 và 04 cọc bê tông trên thửa đất 47 đi nơi khác trả lại đất cho gia đình ông quản lý, sử dụng.

Theo bị đơn ông Lành Văn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn, trình bày: Năm 1980 gia đình ông Lành Văn T chuyển ra cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp hiện nay là thửa số 47, diện tích 512m^2; thửa số 51, diện tích 202m^2; thửa số 55 diện tích 117m^2; thuộc tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T , huyện L. Nguồn gốc đất tranh chấp là đất của ông cha họ Lành để lại. Năm 2000 ba chi của họ Lành đã tiến hành họp, gồm có: Lành Thư L , Lành Thư N và Lành Thư M tiến hành họp chia lại đất nhưng không lập biên bản họp. Khi họp có ông Lành Văn B là anh trai ông Lành Văn T có mặt dự họp, ông Lành Văn T không có mặt dự họp. Sau đó ông được biết họ Lành đã chia cho ông được quản lý, sử dụng một phần 1/3 diện tích đất thửa 47, thửa đất 51 và 55. Từ năm 2000 đến năm 2017, ông không cư trú tại xã T nên không quản lý, sử dụng các thửa đất 47, 51 và 55. Đến tháng 5 năm 2017 khi biết ông Lành Văn H đã được cấp GCNQSDĐ các thửa đất 47, 51 và 55 ông Lành Văn H đã triệu tập anh em họ Lành để họp, nhưng ông Lành Văn H không có mặt trong cuộc họp. Đến tháng 6 năm 2017 ông Lành Văn T dựng nhà lán ốp bằng gỗ thông, lợp bằng bạt, sau đó bị cháy, năm 2018, ông Lành Văn T xây lại nhà cấp 4 diện tích 27,06m^2 bằng gạch ba banh, lợp tôn và chôn 04 cọc bê tông trên thửa đất 47, khi xây dựng chính quyền địa phương đến không cho xây dựng, yêu cầu tạm đình chỉ thi công, nhưng ông Lành Văn T không dừng lại vẫn tiếp tục xây dựng. Nay ông Lành Văn H yêu cầu ông phải tháo dỡ di dời các công trình xây dựng trên đất, trả lại các thửa đất trên cho ông

Lành Văn H quản lý, sử dụng ông Lành Văn T không đồng ý và yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Lành Văn H đối với các thửa 47, 51, 55; đối với tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, trích đo bản đồ địa chính, tổng số tiền 24.500.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND huyện L , trình bày: Việc cấp GNNQSDĐ và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông Lành Văn H các thửa đất số 47, diện tích 512m^2; thửa số 55, diện tích 117m^2 và thửa số 51, diện tích 202m^2; địa danh: Nà Lấm, Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T, huyện L là hợp pháp, đúng quy trình, thủ tục, đúng đối tượng theo quy định của pháp luật. UBND huyện L không chấp nhận yêu cầu của bị đơn hủy một phần GCNQSDĐ số BK 659529 và BK 659528 cùng ngày 25/3/2014 đối với các thửa đất tranh chấp nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-TT ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ các Điều 6, 10, 50, Điều 105, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1, 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; căn cứ các Điều 97, 98, 99, 100, 101, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đất đai năm 2013; căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; ăn cứ vào các Điều 164, 169, 185, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Lành Văn H .

Hộ ông Lành Văn H được quyền quản lý và sử dụng các thửa đất số 47 có diện tích 512m^2, thửa số 55 có diện tích 117m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 659529, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00662 và thửa số 51 có diện tích 202m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 659528, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00661 địa danh N, thôn B, huyện L , tỉnh Lạng Sơn, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T , huyện L , tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân huyện L , tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 cho hộ ông Lành Văn H .

- Thửa đất số 47 có các cạnh tiếp giáp và kích thước như sau: Phía Bắc giáp đường vành đai, có cạnh dài 1,69m + 2,30m + 0,90m + 3,84m + 3,05m + 1,68m; phía Nam giáp thửa đất số 51, tờ bản đồ số 02 do ông Lành Văn H đang sử dụng, có cạnh dài 1,34m + 2,98m + 6,06m + 4,60m + 1,83m; phía Đông giáp

thửa đất 48, tờ bản đồ số 02 do ông Lành Văn T (con ông Lành Văn V) đang sử dụng có cạnh dài 1,58m + 1,94m + 4,68m + 5,23m + 2,92m + 2,38m + 2,00m + 2,25m + 2,69m + 1,34m; phía Tây giáp một phần thửa đất số 46, do bà Hoàng Thị M1 (vợ ông Lành Văn K), có cạnh dài 2,41m + 3,36m + 3,20m + 4,11m + 2,11m + 1,56m + 0,75m + 2,67m + 2,10m + 2,11m + 2,47m + 1,14m + 1,40m + 1,31m.

- Thửa 51 có các cạnh tiếp giáp và kích thước như sau: Phía Bắc giáp thửa 47, có cạnh dài 1,34m + 2,98m + 6,06m + 4,60m + 1,83m; phía Nam giáp thửa đất số 55, tờ bản đồ số 02 do ông Lành Văn H đang sử dụng, có cạnh dài 2,01m + 1,14m + 2,58m + 2,67m + 1,83m; phía Đông giáp mương nước có cạnh dài 1,53m + 2,35m + 2,53m + 3,66m + 2,02m + 2,04m; phía Tây giáp đường mòn cũ, có cạnh dài 2,08m + 2,96m + 2,82m + 2,55m + 3,10m + 1,25m.

- Thửa 55 có các cạnh tiếp giáp và kích thước như sau: Phía Bắc giáp thửa 51, có cạnh dài 2,01m + 1,14m + 2,58m + 2,67m + 1,83m; phía Nam giáp đường lưu thông cũ, có cạnh dài 2,10m + 4,31m + 1,63m + 2,16m + 3,81m + 2,45m; phía Đông giáp mương nước, có cạnh dài 1,77m + 3,79m + 2,35m + 3,08m; phía Tây giáp đường mòn cũ, có cạnh dài 2,22m + 1,52m.

(Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp kèm theo bản án).

Buộc ông Lành Văn T chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất các thửa đất số 47, 51, 55 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T , huyện L , tỉnh Lạng Sơn.

2. Buộc ông Lành Văn T phải tháo dỡ di dời công trình, vật kiến trúc xây dựng trái phép trên thửa đất số 47 gồm 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 27,06m^2, lợp tôn và 04 cọc xi măng ra khỏi thửa đất số 47, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T, huyện L , tỉnh Lạng Sơn trả lại đất cho ông Lành Văn H ; ông Lành Văn T không được bồi thường thiệt hại khi di dời tài sản.

3. Bác yêu cầu của ông Lành Văn T yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 659529, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00662 đối với các thửa đất số 47 có diện tích 512m^2, thửa số 55 có diện tích 117m^2 và số BK 659528, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00661 đối với thửa đất số 51 có diện tích 202m^2 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T , huyện L , tỉnh Lạng Sơn do Ủy ban nhân dân huyện L , tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 25/3/2014 cho hộ ông Lành Văn H vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/8/2019 bị đơn ông Lành Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp tại các thửa số 47, 51, 55, tờ bản đồ số 02, diện tích 831m^2, bản đò địa chính xã T , huyện L , tỉnh Lạng Sơn và sở hữu các tài sản trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lành Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lành Văn T có cùng quan điểm giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân dự sơ thẩm và sửa về phần án phí do nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí để trả lại cho nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

- Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thì ông Thương cho rằng đất tranh chấp là của các cụ trong họ Lành để lại, năm 2000 các anh em trong họ đã phân chia, tuy nhiên việc phân chia không ghi số thửa diện tích và các cụ họ Lành cũng không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm họp không lập biên bản. Năm 2017 khi xảy ra tranh chấp mới lập biên bản là không khách quan. Gia đình ông Hội quản lý diện tích đất tranh chấp từ năm 1990 trước khi họ Lành phân chia đất. Năm 2012 ông Hội cho Công ty V thuê đất. Năm 2014 ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc cấp giấy cũng được cơ quan chuyên môn khẳng định cấp đúng trình tự, thủ tục và cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu. Việc ông H quản lý, sử dụng đất được Nhà nước công nhận và bảo hộ. Năm 2017 ông T xây dựng nhà và chôn 04 cọc bê tông trên thửa 47, cơ quan chuyên môn đến giải quyết và tạm đình chỉ việc xây dựng nhưng ông T không chấp hành. Việc ông T kháng cáo yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp và yêu cầu sở hữu công trình vật kiến trúc trên đất là không có cơ sở chấp nhận.

- Về án phí: Bản án sơ thẩm tuyên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không đúng. Đồng thời ông H không phải chịu án phí nhưng bản án sơ thẩm không tuyên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông H là thiếu sót. Cấp phúc thẩm cần khắc phục.

- Về tố tụng: Ông T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp sơ thẩm xác định thêm quan hệ pháp luật và bác bác yêu cầu này của ông T nhưng không thụ lý bổ sung là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Vi phạm không thay đổi bản chất vụ án nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của ông T , sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lành Văn T nộp ngày 13/8/2019 trong thời hạn luật quy định nên là hợp lệ.

[2] Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L , tỉnh Lạng Sơn có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phạm Gia H người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Người làm chứng ông Lành Văn V, ông Lành Văn V1, ông Lành Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không có lý do, đã có lời khai trực tiếp tại Tòa án. Theo quy định tại Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ công trình trên đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dựng đất là đúng quy định của khoản 9 Điều 26 và Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự và những người làm chứng đều khai nhận đất có nguồn gốc là của ông cha họ Lành để lại, đưa vào Hợp tác xã quản lý sau đó bỏ hoang. Năm 1990, sau khi chạy Tàu về thấy đất bỏ hoang, ông Lành Văn H khai hoang, phục hóa để trồng lúa và quản lý, sử dụng canh tác từ đó đến nay. Đất có địa danh: Nà L , Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, gồm ba thửa: Thửa số 47, diện tích 512m^2; thửa số 51, diện tích 202m^2; thửa số 55 có diện tích 117m^2.

[5] Xét nội dung kháng cáo của ông Lành Văn H , thấy: Toàn bộ diện tích 831m^2 đất tranh chấp do ông Lành Văn H là người quản lý, sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1990 đến nay. Quá trình quản lý, sử dụng năm 2011 ông Lành Văn H đăng ký kê khai cấp GCNQSDĐ đến năm 2014 được UBND huyện L , tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ các thửa đất số 47, diện tích 512m^2, thửa số 51, diện tích 202m^2, thửa số 55, diện tích 117m^2; các thửa đất đều thuộc tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T , huyện L , tỉnh Lạng Sơn. Đối với ông Lành Văn T từ năm 1980, ông Lành Văn T đã chuyển khỏi địa phương ra sinh sống tại thôn P , xã Đ , huyện L , tỉnh Lạng Sơn không quản lý, sử dụng các thửa đất tranh chấp nêu trên. Tháng 5/2017 ông Lành Văn T làm lán trông ao trên thửa đất số 47 thì phát sinh tranh chấp, năm 2018 ông Lành Văn T tiếp tục xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 27,06m^2, mái lợp tôn và chôn 04 cọc bê tông xi măng trên thửa đất 47, khi tiến hành đào móng để xây dựng, chính quyền địa phương đã lập Biên

bản yêu cầu tạm dừng thi công xây dựng công trình nhưng ông Lành Văn T không chấp hành, cố tình xây dựng.

[6] Theo các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án ông Lành Văn T giao nộp bản "Khế đất" viết bằng tiếng Trung (BL 49, 50) theo bản dịch khế đất đề ngày 26/3/1845, khế đất ghi chung chung, không rõ ràng cụ thể, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra, ông Lành Văn T có giao nộp giấy xác nhận của những người làm chứng của ông Lành Văn B1 đề ngày 21/9/2019; giấy xác nhận của ông Lành Văn A đề ngày 05/9/2019; đơn xác nhận của bà Hoàng Thị Đ ngày 24/9/2019; đơn xác nhận của bà Lành Thị P ngày 24/9/2019; giấy xác nhận của ông Lành Văn T đều có nội dung đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha ông họ Lành để lại, Giấy xác nhận của nhưng người làm chứng do ông Lành Văn T giao nộp đều là anh em họ Lành làm chứng ủng hộ phía ông Lành Văn T nên không đảm bảo tính khách quan. Mặt khác theo các tài liệu phản ánh trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa ông Lành Văn T đều thừa nhận từ năm 1980 ông Lành Văn T đã chuyển khỏi địa phương, cư trú tại thôn P , xã Đ , huyện L , tỉnh Lạng Sơn và không quản lý, sử dụng các thửa đất tranh chấp. Do vậy, ông Lành Văn T cho rằng năm 2000 ông được 03 chi của họ Lành họp chia lại đất và ông được chia các thửa đất 47, 51, 55 là không có cơ sở để chấp nhận. Mặt khác theo quy định Luật đất đai năm 2003 quy định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý và trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua các hình thức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người đang sử dụng đất ổn định. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao cho người khác quản lý, sử dụng. Đối với ông Lành Văn H là người đang sử dụng đất tranh chấp, có một thời gian dài quản lý, sử dụng ổn định liên tục từ năm 1990 cho đến nay và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Lành Văn T.

[8] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Làng Văn Hội được chấp nhận nên không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; cấp sơ thẩm buộc ông Lành Văn T phải chịu 24.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất là đúng; do ông Lành Văn H đã tạm ứng trước số tiền chi phí nên ông Lành Văn T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Lành Văn H số tiền là 24.500.000 đồng (hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lành Văn H được Toà án chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm, cấp sơ thẩm buộc ông Lành Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là đúng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tiền số AA/2012/05525 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L , tỉnh Lạng Sơn là thiếu sót. Đối với ông Lành Văn T cấp sơ thẩm buộc ông Lành Văn T phải chịu án phí tranh chấp quyền sử dụng đất 300.000 đồng, án phí về tài

sản 2.955.000 đồng là không đúng với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa. Vì trong trường hợp này các đương sự không tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, chỉ tranh chấp về quyền sử dụng đất là của ai và không xem xét giá trị. Do vậy, ông Lành Văn T chỉ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm lại buộc ông Lành Văn T phải chịu cả án phí giá ngạch tranh chấp tài sản trái với quy định của pháp luật cần sửa phần án phí sơ thẩm cho phù hợp.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Lành Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông Lành Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2012/05655 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L , tỉnh Lạng Sơn.

[11] Ý kiến của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Ý kiến của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với quan điển của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[13] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia tại phiên tòa phù hợp với quan điểm với Hội đồng xét xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sư năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lành Văn T; sửa về phần án phí của Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ các Điều 6, 10, 50, Điều 105, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1, 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; căn cứ các Điều 97, 98, 99, 100, 101, Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đất đai năm 2013; căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; ăn cứ vào các Điều 164, 169, 185, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

1. Quyền sử dụng đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Lành Văn H .

Hộ ông Lành Văn H được quyền quản lý và sử dụng các thửa đất số 47 có diện tích 512m^2; thửa số 55 diện tích 117m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 659529, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00662 và thửa số 51 diện tích 202m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 659528, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00661; địa danh: N , thôn B , huyện L , tỉnh Lạng Sơn, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T , huyện L , tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân huyện L , tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 cho hộ ông Lành Văn H .

- Thửa đất số 47 có các cạnh tiếp giáp và kích thước như sau:

Phía Bắc giáp đường vành đai, có cạnh dài 1,69m + 2,30m + 0,90m + 3,84m + 3,05m + 1,68m;

Phía Nam giáp thửa đất số 51, tờ bản đồ số 02 do ông Lành Văn H đang sử dụng, có cạnh dài 1,34m + 2,98m + 6,06m + 4,60m + 1,83m;

Phía Đông giáp thửa đất 48, tờ bản đồ số 02 do ông Lành Văn T1 (con ông Lành Văn V) đang sử dụng, có cạnh dài 1,58m + 1,94m + 4,68m + 5,23m + 2,92m + 2,38m + 2,00m + 2,25m + 2,69m + 1,34m;

Phía Tây giáp một phần thửa đất số 46, do bà Hoàng Thị M1 (vợ ông Lành Văn K), có cạnh dài 2,41m + 3,36m + 3,20m + 4,11m + 2,11m + 1,56m + 0,75m + 2,67m + 2,10m + 2,11m + 2,47m + 1,14m + 1,40m + 1,31m.

- Thửa 51 có các cạnh tiếp giáp và kích thước như sau:

Phía Bắc giáp thửa 47, có cạnh dài 1,34m + 2,98m + 6,06m + 4,60m + 1,83m;

Phía Nam giáp thửa đất số 55, tờ bản đồ số 02 do ông Lành Văn H đang sử dụng, có cạnh dài 2,01m + 1,14m + 2,58m + 2,67m + 1,83m;

Phía Đông giáp mương nước, có cạnh dài 1,53m + 2,35m + 2,53m + 3,66m + 2,02m + 2,04m;

Phía Tây giáp đường mòn cũ, có cạnh dài 2,08m + 2,96m + 2,82m + 2,55m + 3,10m + 1,25m.

- Thửa 55 có các cạnh tiếp giáp và kích thước như sau:

Phía Bắc giáp thửa 51, có cạnh dài 2,01m + 1,14m + 2,58m + 2,67m +1,83m;

Phía Nam giáp đường lưu thông cũ, có cạnh dài 2,10m + 4,31m + 1,63m + 2,16m + 3,81m + 2,45m;

Phía Đông giáp mương nước, có cạnh dài 1,77m + 3,79m + 2,35m + 3,08m;

Phía Tây giáp đường mòn cũ, có cạnh dài 2,22m + 1,52m.

(Có bản sơ họa ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp kèm theo bản án).

Buộc ông Lành Văn T chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất các thửa đất số 47, 51, 55, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T , huyện L , tỉnh Lạng Sơn.

2. Buộc ông Lành Văn T phải tháo dỡ di dời công trình, vật kiến trúc xây dựng trái phép trên thửa đất số 47 gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 27,06m^2, lợp tôn và 04 cọc bê tông xi măng ra khỏi thửa đất số 47, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T , huyện L , tỉnh Lạng Sơn trả lại đất cho ông Lành Văn H ; ông Lành Văn T không được bồi thường thiệt hại khi di dời tài sản.

3. Bác yêu cầu của ông Lành Văn T yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 659529, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00662 đối với các thửa đất số 47 có diện tích 512m^2, thửa số 55 có diện tích 117m^2 và số BK 659528, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00661 đối với thửa đất số 51 có diện tích 202m^2 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã T , huyện L , tỉnh Lạng Sơn do Ủy ban nhân dân huyện L , tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 25/3/2014 cho hộ ông Lành Văn H vì không có căn cứ pháp luật.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trích đo địa chính khu đất: Ông Lành Văn T phải chịu 24.500.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản,chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất. Ông Lành Văn T phải trả cho ông Lành Văn H số tiền là 24.500.000 đồng (hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trích đo địa chính khu đất.

Kể từ ngày ông Lành Văn H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án nếu ông Lành Văn T chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lành Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Lành Văn H số tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tiền số AA/2012/05525 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L , tỉnh Lạng Sơn. Ông Lành Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lành Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông Lành Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2012/05655 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L , tỉnh Lạng Sơn.

Trong trường hợp bản án, quyết định đã được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyết định yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện L , tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Đức Châm